CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: P607, Tầng 6, Nhà G10, Số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3768 3844 Fax: 024 3768 2972

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

cho kỳ hoạt động từ ngày 0/01/2017 đến ngày 30/06/2017

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (024) 974 5081/82 Fax: (024) 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

Signature Not Verified
Ký bởi: CHU THỊ ÁNH
Ký ngày: 21/8/2017 18:57:25

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Soát xét thông tin tài chính	05 - 06
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm 2017	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2017	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2017	12 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- Ông Vũ Văn Bẩy — Chủ tịch HĐQT
- Ông Lưu Tuấn Hùng — Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Ngọc Tuấn — Thành viên HĐQT
- Ông Trần Đại Tùng — Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Văn Thăng — Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc:

- Ông Vũ Văn Bẩy — Tổng Giám đốc
- Ông Lưu Tuấn Hùng — Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Lộc — Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Long — Phó Tổng Giám đốc

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ Phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101334087 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/08/2015.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOIN STOCK COMPANY, tên viết tắt: SICO.,JSC
- Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH
- Vốn điều lệ : **209.500.000.000 (Hai trăm linh chín tỷ năm trăm triệu đồng)**
- Trụ sở chính của Công ty: P602, 607 tầng 6, Toàn nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông , kết cấu thép; Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm; Sản xuất xi măng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường ;

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán xi măng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế; Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị , phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh thiết bị máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng; Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị máy móc nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghệ thông tin (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, nhà ở, khô bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe; Đầu tư xây dựng công viên; Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất; Trang trí ngoại thất công trình;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật);

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

2. **Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho năm tài chính 2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 34.

4. **Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây**

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017;
- Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Tổng Giám đốc
Vũ Văn Bẩy

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS
Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 **Fax**: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi1999@gmail.com **Website**: www.cpahanoi.com

Số: 262/2017/BCSX/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà, được lập ngày 20/07/2017, từ trang 07 đến 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Báo cáo tài chính của đơn vị và Thuyết minh Vốn chủ sở hữu về khoản lỗ luỹ kế 207.786.579.585 đồng của Công ty cho đến giai đoạn kết thúc ngày 30/06/2017. Và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 127,98 tỷ. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Ngọc Tỉnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**151,018,324,960**	**181,586,688,336**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**337,475,474**	**163,486,904**
1. Tiền	111		337,475,474	163,486,904
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**105,766,905,078**	**126,317,291,421**
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	**V.2**	44,580,753,572	57,059,617,030
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	**V.3**	13,886,826,818	15,127,958,773
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	**V.4**	98,858,680,500	121,502,078,656
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	**V.5**	(51,559,355,812)	(67,372,363,038)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.6**	**38,927,500,417**	**49,088,845,287**
1. Hàng tồn kho	141		133,834,144,110	148,158,355,623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(94,906,643,693)	(99,069,510,336)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5,986,443,991**	**6,017,064,724**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	**V.7a**	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,986,443,991	6,017,064,724
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**140,796,190,784**	**139,627,513,797**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**22,153,991,285**	**24,917,523,671**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.9**	22,153,991,285	24,917,523,671
- Nguyên giá	*222*		*67,622,129,750*	*67,622,129,750*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(45,468,138,465)*	*(42,704,606,079)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**46,394,913,582**	**46,394,913,582**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	**V.8**	46,394,913,582	46,394,913,582
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.10**	**71,441,968,234**	**67,891,168,234**
1. Đầu tư vào công ty con	251		70,010,800,000	66,460,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100,000,000	100,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		3,933,445,000	3,933,445,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,602,276,766)	(2,602,276,766)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**805,317,683**	**423,908,310**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.7b**	805,317,683	423,908,310
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**291,814,515,744**	**321,214,202,133**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**281,011,649,362**	**289,925,425,565**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**279,003,245,114**	**287,917,021,317**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	**V.11**	57,174,301,748	62,819,963,789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	**V.12**	16,555,403,620	14,959,837,421
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	**V.13**	27,320,812,087	27,016,042,708
4. Phải trả người lao động	314		11,144,398,002	3,396,600,487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	**V.14**	30,318,512,027	28,438,808,772
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	**V.15**	7,816,188,330	5,381,642,876
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	**V.16a**	50,737,294,146	61,826,041,337
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	**V.17a**	73,198,641,483	79,227,890,256
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,737,693,671	4,850,193,671
II. Nợ dài hạn	**330**		**2,008,404,248**	**2,008,404,248**
1. Phải trả dài hạn khác	331	**V.16b**	1,403,200,000	1,403,200,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	**V.17b**	605,204,248	605,204,248
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**10,802,866,382**	**31,288,776,568**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.18**	**10,802,866,382**	**31,288,776,568**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209,500,000,000	209,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*209,500,000,000*	*209,500,000,000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		650,501,870	650,501,870
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(7,525,875,398)	(7,525,875,398)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		15,964,819,495	15,964,819,495
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(207,786,579,585)	(187,300,669,399)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*(187,300,669,399)*	*(44,763,711,509)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*(20,485,910,186)*	*(142,536,957,890)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**291,814,515,744**	**321,214,202,133**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thanh Hương	Chu Thị Ánh	Vũ Văn Bẩy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II và luỹ kế 06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,418,534,102	1,070,699,091	6,942,152,137	4,824,054,973
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		-	-	-
	+ Chiết khấu thương mại			-	-	-	-
	+ Giảm giá hàng bán			-	-	-	-
	+ Hàng bán bị trả lại				-	-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV**	**10**	**VI.3**	**1,418,534,102**	**1,070,699,091**	**6,942,152,137**	**4,824,054,973**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1,638,027,776	1,394,978,693	7,093,881,852	5,232,107,493
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**(219,493,674)**	**(324,279,602)**	**(151,729,715)**	**(408,052,520)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	143,260	59,293,689	58,737,323	629,667,299
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	32,978,378,599	1,562,413,635	34,915,217,162	3,484,250,779
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1,293,070,577*	*1,562,413,635*	*3,229,909,140*	*3,484,250,779*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	(15,083,437,021)	789,167,748	(14,445,785,368)	11,417,709,597
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(18,114,291,992)**	**(2,616,567,296)**	**(20,562,424,186)**	**(14,680,345,597)**
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	100,000,000	572,727,273	100,000,000	572,727,273
12.	Chi phí khác	32	VI.9	-	833,712,133	23,486,000	833,712,133
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**100,000,000**	**(260,984,860)**	**76,514,000**	**(260,984,860)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**(18,014,291,992)**	**(2,877,552,156)**	**(20,485,910,186)**	**(14,941,330,457)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**(18,014,291,992)**	**(2,877,552,156)**	**(20,485,910,186)**	**(14,941,330,457)**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thanh Hương	**Chu Thị Ánh**	**Vũ Văn Bẩy**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
M.S.D.N: 0101334087 - C.T.C.P - Q. THANH XUÂN - T. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: P607, Tầng 6, Nhà G10, Số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3768 3844 Fax: 024 3768 2972

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
cho 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***(20,485,910,186)***	***(14,941,330,457)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS ĐT	02	2,763,532,386	2,889,184,383
- Các khoản dự phòng	03	(19,975,873,869)	10,000,000,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(135,251,323)	(629,667,299)
- Chi phí lãi vay	06	3,229,909,140	3,484,250,779
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(34,603,593,852)***	***802,437,406***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36,394,014,302	2,929,943,563
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14,324,211,513	1,466,759,360
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5,076,572,884	296,139
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(381,409,373)	175,859,421
- Tiền lãi vay đã trả	14	(100,164,952)	(128,210,926)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14,767,285,634)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***5,942,344,888***	***5,247,084,963***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(845,454,557)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	630,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58,592,936	629,667,299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***58,592,936***	***414,212,742***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ đi vay	33	5,437,000,000	292,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,263,949,254)	(3,870,602,126)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,079,855,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(5,826,949,254)***	***(5,658,457,126)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	***50***	***173,988,570***	***2,840,579***
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	***60***	***163,486,904***	***150,281,261***
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	***70***	***337,475,474***	***153,121,840***

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thanh Hương	Chu Thị Ánh	Vũ Văn Bẩy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho 06 tháng đầu năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. *Hình thức sở hữu vốn:*

Công ty Cổ Phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101334087 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/08/2015. Theo đó:

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOIN STOCK COMPANY, tên viết tắt: SICO.,JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **209.500.000.000 đồng (Hai trăm linh chín tỷ năm trăm triệu đồng)**

Trụ sở chính của Công ty: P602, 607 tầng 6, Toàn nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

2. *Lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động chính của Công ty: Xây dựng công trình, đầu tư dự án, cho thuê máy móc thiết bị.

3. *Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông , kết cấu thép; Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm; Sản xuất xi măng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán xi măng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế; Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị , phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh thiết bị máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng; Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị máy móc nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghệ thông tin (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, nhà ở, khô bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe; Đầu tư xây dựng công viên; Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất; Trang trí ngoại thất công trình;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật);

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

4. ***Cấu trúc doanh nghiệp:***

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các Công ty con, đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Sico	Đầu tư, xây dựng công trình	51%	51%
Công ty CP Sico Yên Hoà	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	70%	70%
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng	53%	53%
Công ty CP Sông Đà Đồng Nai	Hoạt động kinh doanh thương mại và dịch	55%	55%
Công ty liên kết			
BQL Dự án Yên Hoà	Xây dựng, kinh doanh bất động sản		
Đơn vị trực thuộc			
Xí nghiệp XL và sản xuất vật liệu XD số 1	Sản xuất vật liệu xây dựng		
Xí nghiệp Xây lắp Sico 5	Xây dựng công trình		
Xí nghiệp Xây lắp Sico 6	Xây dựng công trình		

5. ***Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:***

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

1.1 Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

1.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

1.3 Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

2.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ. tại ngày lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1 Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

3.2 Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

4.1 Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc;

- Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất nhập khẩu của bên giao uỷ thác thông qua bên nhận uỷ thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hoá đơn, chứng từ phát sinh;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

4.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

5.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

5.2 Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

6.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao luỹ kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	**Thời gian KH**
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28 năm
Máy móc thiết bị	04 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản khác	04 năm

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lỹ kế của các công ty con sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lỹ kế của các công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng này do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

7. ***Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước***

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:

+ Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
+ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
+ Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận uỷ thác (trong giao dịch nhập khẩu uỷ thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại theo thời gian trả nợ;

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoài trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay;

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi chí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

12.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cở sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.
Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hạnh cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Cổ tức được công bố và chí trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

15.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hoá đơn đã lập;

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng;

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

15.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khí có sự phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất dinh doanh.

19. *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

20. *Ước tính kế toán*

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính. giả định đặt ra.

21. *Công cụ tài chính*

Ghi nhận ban đầu

- Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

  Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

- Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

  Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

22. *Các bên liên quan*

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty. Những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

23. *Báo cáo bộ phận*

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đồng nhất, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Tiền mặt	319,259,818	146,253,131
Tiền gửi Ngân hàng	18,215,656	17,233,773
Cộng	**337,475,474**	**163,486,904**

2. Phải thu khách hàng	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***44,580,753,572***	***57,059,617,030***
Công ty CP xi măng Hạ Long	9,816,648,936	9,816,648,936
Công ty CP thiết bị công nghiệp & xây dựng	2,056,439,545	2,056,439,545
Công ty kỹ thuật nền móng & xây dựng 20 (Licogi 2	1,355,398,872	1,355,398,872
Công ty TNHH Sắt thép Ngọc Biển	-	12,738,875,900
Công ty CP tư vấn thiết kế & XD FDC	1,700,000,000	1,700,000,000
Công ty TNHH Đầu tư XD Hoàng Cường	1,801,727,051	1,946,181,526
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Nam Cường	11,524,394,738	11,524,394,738
Công ty CP XD và Xử lý nền móng công trình	1,531,838,316	1,531,838,316
Các đối tượng khác	14,794,306,114	14,389,839,197
Cộng	**44,580,753,572**	**57,059,617,030**

3. Trả trước cho người bán	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Công ty CP Đầu tư Sico	1,004,506,250	1,004,506,250
Tổng Công ty XNK Việt Nam	2,700,000,000	2,700,000,000
Khách hàng khác	10,182,320,568	11,423,452,523
Cộng	**13,886,826,818**	**15,127,958,773**

4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2017		*01/01/2017*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn	***98,858,680,500***	***(33,058,470,736)***	***121,502,078,656***	***(48,871,477,962)***
- ***Phải thu khác***	***67,665,731,957***	***(15,983,951,592)***	***90,257,456,388***	***(31,796,958,818)***
Công ty CP Đầu tư Sico	3,134,619,387		3,499,014,012	
Công ty CP Sico Yên Sơn	597,864,409		2,462,793,724	
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	6,468,940,446	(4,715,940,446)	6,468,940,446	(4,715,940,446)
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Yên Phong II	15,510,433,890		15,510,433,890	
Ban quản lý Dự án Yên Phong II	9,604,614,236		9,604,614,236	
Phùng Thu Hà	-	-	35,236,108,022	(15,813,007,226)
Các đối tượng khác	32,349,259,589	(11,268,011,146)	17,475,552,058	(11,268,011,146)
- **Tạm ứng**	**31,192,948,543**	**(17,074,519,144)**	**31,244,622,268**	**(17,074,519,144)**
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**98,858,680,500**	**(33,058,470,736)**	**121,502,078,656**	**(48,871,477,962)**

5. Nợ xấu

	30/06/2017		*01/01/2017*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	63,057,856,917	11,498,501,105	112,897,770,154	45,525,407,116
Trong đó:	**Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm**	**Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm**	**Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm**	**Quá hạn trên 3 năm**
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	-	-	-	597,864,409
CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	-	-	-	11,524,394,738
Tiền đền bù GPMB-DA Yên Phong II	-	-	-	15,510,433,890
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	-	-	-	6,468,940,446
Các đối tượng khác	-	-	-	28,956,223,434

6. Hàng tồn kho	*30/06/2017*		*01/01/2017*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	3,597,738,753		10,352,561,409	
Công cụ, dụng cụ	96,995,627	-	96,995,627	-
Chi phí SX, KD dở dang	130,118,901,768	(94,906,643,693)	137,688,290,625	(99,069,510,336)
Thành phẩm	20,507,962	-	20,507,962	-
Cộng	**133,834,144,110**	**(94,906,643,693)**	**148,158,355,623**	**(99,069,510,336)**

7. Chi phí trả trước	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	805,317,683	423,908,310
Cộng	**805,317,683**	**423,908,310**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	39,857,732,074	39,857,732,074
Các công trình khác	6,537,181,508	6,537,181,508
Cộng	**46,394,913,582**	**46,394,913,582**

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư tại ngày 01/01/2017	***3,547,182,625***	***61,182,085,458***	***1,306,291,853***	***335,804,644***	***1,250,765,170***	***67,622,129,750***
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	***3,547,182,625***	***61,182,085,458***	***1,306,291,853***	***335,804,644***	***1,250,765,170***	***67,622,129,750***
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư tại ngày 01/01/2017	***1,346,548,641***	***38,651,533,273***	***1,119,954,351***	***335,804,644***	***1,250,765,170***	***42,704,606,079***
- Khấu hao trong kỳ	70,943,652	2,622,712,158	69,876,576	-	-	2,763,532,386
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	***1,417,492,293***	***41,274,245,431***	***1,189,830,927***	***335,804,644***	***1,250,765,170***	***45,468,138,465***
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2017	***2,200,633,984***	***22,530,552,185***	***186,337,502***	-	-	***24,917,523,671***
- Tại ngày 30/06/2017	***2,129,690,332***	***19,907,840,027***	***116,460,926***	-	-	***22,153,991,285***

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.877.770678 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.614.542.936 đồng

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		*30/06/2017*			*01/01/2017*		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	*Giá trị*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con			***70,010,800,000***	***67,408,523,234***	***(2,602,276,766)***	***66,460,000,000***	***63,857,723,234***	***(2,602,276,766)***
Công ty CP Đầu tư Sico	51%	51%	15,300,000,000	12,697,723,234	(2,602,276,766)	15,300,000,000	12,697,723,234	(2,602,276,766)
Công ty CP Sico Yên Hoà	70%	70%	4,200,000,000	4,200,000,000	-	4,200,000,000	4,200,000,000	-
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	53%	53%	8,000,000,000	8,000,000,000	-	8,000,000,000	8,000,000,000	-
Công ty CP Sông Đà Đồng Nai	55%	55%	42,510,800,000	42,510,800,000	-	38,960,000,000	38,960,000,000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết			***100,000,000***	***100,000,000***	-	***100,000,000***	***100,000,000***	-
BQL Dự án Yên Hoà			100,000,000	100,000,000	-	100,000,000	100,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			***3,933,445,000***	***3,933,445,000***	-	***3,933,445,000***	***3,933,445,000***	-
Công ty CP ĐT Sico Thảo Điền			2,249,625,000	2,249,625,000	-	2,249,625,000	2,249,625,000	-
Công ty CP TM Nam Sài Gòn			1,540,000,000	1,540,000,000	-	1,540,000,000	1,540,000,000	-
BQL DA số 5 Lạc Long Quân			143,820,000	143,820,000	-	143,820,000	143,820,000	-
Cộng			**74,044,245,000**	**71,441,968,234**	**(2,602,276,766)**	**70,493,445,000**	**67,891,168,234**	**(2,602,276,766)**

11. Phải trả người bán

	30/06/2017		*01/01/2017*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Ngắn hạn	***57,174,301,748***	***57,174,301,748***	***62,819,963,789***	***62,819,963,789***
Công ty CP Sông Đà 9	2,102,654,248	2,102,654,248	2,102,654,248	2,102,654,248
Ban điều hành Dự án xi măng Hạ Long	6,009,454,700	6,009,454,700	6,009,454,700	6,009,454,700
Công ty CP ĐT & XD Việt Kiến Minh	10,032,983,840	10,032,983,840	10,032,983,840	10,032,983,840
Công ty CP ĐT Xây dựng Thiên Lộc	22,500,000	22,500,000	2,039,932,000	2,039,932,000
Công ty CP Địa ốc Ngọc Biển	7,185,634,250	7,185,634,250	7,485,634,250	7,485,634,250
Công ty TNHH TM & XD Thu Ngân	2,178,825,700	2,178,825,700	2,178,825,700	2,178,825,700
Công ty CP XNK Á Châu	2,150,000,000	2,150,000,000	2,150,000,000	2,150,000,000
Công ty CP XD & SX VL Cầu Đa Phúc	3,174,070,000	3,174,070,000	3,174,070,000	3,174,070,000
Các khách hàng khác	24,318,179,010	24,318,179,010	27,646,409,051	27,646,409,051
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**57,174,301,748**	**57,174,301,748**	**62,819,963,789**	**62,819,963,789**

12. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	**01/01/2017**
Viện công nghệ môi trường	1,130,459,312	1,130,459,312
Hoàng Văn Tính	1,741,778,600	1,741,778,600
Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh	-	3,000,000,000
Khác	16,555,403,620	9,087,599,509
Cộng	**16,555,403,620**	**14,959,837,421**

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*30/06/2017*
Thuế giá trị gia tăng	11,970,150,298	933,850,148	419,314,709	12,484,685,737
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,836,789,610	-	-	13,836,789,610
Thuế thu nhập cá nhân	943,215,916	5,506,667	-	948,722,583
Thuế tài nguyên	59,109,662	-	-	59,109,662
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	197,185,696	6,000,000	221,272,727	(18,087,031)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9,591,526	-	-	9,591,526
Cộng	**27,016,042,708**	**945,356,815**	**640,587,436**	**27,320,812,087**

14.	**Chi phí phải trả**	**30/06/2017**	**01/01/2017**
	Ngắn hạn	***30,318,512,027***	***28,438,808,772***
	Chi phí lãi vay	***9,271,441,092***	7,241,737,837
	Công ty TNHH TMXD Phát Tài Lộc	***2,503,012,987***	2,503,012,987
	Chi phí kiểm toán	***388,636,363***	538,636,363
	Chi phí khác (Trích trước các công trình)	***18,155,421,585***	18,155,421,585
	Dài hạn	-	-
	Cộng	**30,318,512,027**	**28,438,808,772**
15.	**Doanh thu chưa thực hiện**	**30/06/2017**	**01/01/2017**
	Ngắn hạn	***7,816,188,330***	***5,381,642,876***
	Công ty TNHH MTV Booyoung VN	***46,728,419***	46,728,419
	DA Yên Phong II - Bắc Ninh	***2,727,272,727***	-
	Công ty TNHH XD & TM Việt Thành(Máy KH)	***2,000,000,000***	2,000,000,000
	Công ty TNHH ĐTXD Hoàng Cường	***2,842,032,394***	2,842,032,394
	CN Công ty CP TM-XD Đồng bằng tại HN	***146,154,790***	146,154,790
	Công ty CP Kỹ thuật nền móng và XD 20	-	292,727,273
	TT mạng lưới Mobifone Miền Bắc-CN TCT VT MBF	***54,000,000***	54,000,000
	Dài hạn	-	-
	Cộng	**7,816,188,330**	**5,381,642,876**
16.	**Phải trả khác**	**30/06/2017**	**01/01/2017**
a.	**Ngắn hạn**	**50,737,294,146**	**61,826,041,337**
	Kinh phí công đoàn	856,286,367	848,080,347
	Bảo hiểm xã hội	3,850,588,491	3,719,315,791
	Bảo hiểm y tế	360,439,915	337,719,643
	Bảo hiểm thất nghiệp	256,179,074	251,690,666
b.	Phải trả, phải nộp khác	45,413,800,299	56,669,234,890
	Dài hạn	**1,403,200,000**	**1,403,200,000**
	Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1,403,200,000	1,403,200,000
	Cộng	**52,140,494,146**	**63,229,241,337**

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2017	
	Giá trị	*Khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Giá trị*	*Giá trị*	*Khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**77,690,220,256**	**77,690,220,256**	**5,637,000,000**	**11,263,949,254**	**72,063,271,002**	**72,063,271,002**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	21,219,691,095	21,219,691,095		4,955,000,000	16,264,691,095	16,264,691,095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	22,299,012,645	22,299,012,645			22,299,012,645	22,299,012,645
Vay cá nhân	12,799,516,516	12,799,516,516	5,437,000,000	6,308,949,254	12,127,567,262	12,127,567,262
Điều chuyển công nợ bà Trần Thị Đào			200,000,000			
Công ty CP Đầu tư Sico (3)	21,112,000,000	21,112,000,000			21,112,000,000	21,112,000,000
Công ty TNHH Xăng dầu Đồng Nai	260,000,000	260,000,000			260,000,000	260,000,000
Vay dài hạn	**605,204,248**	**605,204,248**		**-**	**605,204,248**	**605,204,248**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	605,204,248	605,204,248			605,204,248	605,204,248
Cộng:	**78,295,424,504**	**78,295,424,504**	**5,637,000,000**	**11,263,949,254**	**72,668,475,250**	**72,668,475,250**

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ Ngày 28/06/2012 vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Số tiền vay hạn mức: 23.000.000.000 VND
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Thời hạn rút vốn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng
- Lãi suất: Thay đổi theo từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo: Gồm tài sản thế chấp, ký quỹ, cầm cố và bảo lãnh của bên thứ 3.
+ Tài sản bên vay: Máy móc thiết bị, xe cơ giới - ôtô
+ Tài sản bên thứ 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, Hà Nội của ông Phí Văn Hạnh và bà

+ Biện pháp đảm bảo bổ sung: Tầng Trệt tòa nhà Sico, đường Phạm Hùng, Hà Nội.
- Số dư tại ngày 30/06/2017: 21.219.691.095 VND

(2) Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-MH/HTSĐ Ngày 26/3/2010 vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân.

- Số tiền vay hạn mức: 70.000.000.000 VND
- Mục đích sử dụng: Thanh toán toán chi phí phục vụ hoạt động SXKD
- Thời hạn: Cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân
- Lãi suất cho vay: Xác định theo Phương pháp thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án do Ngân hàng tham gia cho vay; Quyền phát sinh từ các Hợp đồng thi công công trình; Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc Dự án KCN Yên Phong II - tỉnh Bắc Ninh
- Số dư tại ngày 30/06/2017: 22.299.012.645 VND

(3) Số hợp đồng: 01/HĐTD Ngày 01/07/2010 vay của Công ty CP Đầu tư Sico

-Số tiền vay: 23.702.000.000 VND

- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động
- Thời hạn: Theo từng hợp đồng vay nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

-Lãi suất cho vay: 14%/năm.

- Số dư tại ngày 30/06/2017: 21.112.000.000 VND

(4) Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSĐ/KCN Ngày 14/6/2010 vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân.

- Số tiền vay: 12.700.000.000VND
- Mục đích sử dụng: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Thời hạn: 3 năm tính từ ngày giải ngân
- Lãi suất cho vay: Xác định theo phương pháp thả nổi, tại thời điểm ký kết hợp đồng là 13,5%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án do Ngân hàng tham gia cho vay; Quyền phát sinh từ các Hợp đồng thi công
- Số dư tại ngày 30/06/2017: 605.204248 VND

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư tại 01/01/2016	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**(7,525,875,398)**	**15,964,819,495**	**-**	**(44,763,711,509)**	**173,825,734,458**
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-		-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(142,536,957,890)	(142,536,957,890)
- Giảm khác	-	-	-		-	-	-
							-
2. Số dư tại 31/12/2016	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**(7,525,875,398)**	**15,964,819,495**	**-**	**(187,300,669,399)**	**31,288,776,568**
3. Số dư tại 01/01/2017	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**(7,525,875,398)**	**15,964,819,495**	**-**	**(187,300,669,399)**	**31,288,776,568**
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(20,485,910,186)	(20,485,910,186)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại 30/06/2017	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**(7,525,875,398)**	**15,964,819,495**	**-**	**(207,786,579,585)**	**10,802,866,382**

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của cổ đông khác	209,500,000,000	209,500,000,000
Cộng	**209,500,000,000**	**209,500,000,000**

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	209,500,000,000	209,500,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	209,500,000,000	209,500,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,950,000	20,950,000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20,950,000	20,950,000
+ Cổ phiếu phổ thông	*20,950,000*	*20,950,000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,950,000	20,950,000
+ Cổ phiếu phổ thông	*20,950,000*	*20,950,000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Các quỹ doanh nghiệp	30/06/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	15,964,819,495	15,964,819,495
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5,433,796,371	-
Doanh thu cung cấp dịch vu	1,508,355,766	221,291,943
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	4,602,763,030
Cộng	**6,942,152,137**	**4,824,054,973**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,942,152,137	4,824,054,973
Cộng	**6,942,152,137**	**4,824,054,973**

4. Giá vốn hàng bán	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm	5,564,772,114	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,529,109,738	355,593,364
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	4,876,514,129
Cộng	**7,093,881,852**	**5,232,107,493**

5. Doanh thu hoạt động tài chính	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	58,737,323	629,667,299
Cộng	**58,737,323**	**629,667,299**

6. Chi phí hoạt động tài chính	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Chi phí tài chính	*34,915,217,162*	*3,484,250,779*
Chi phí lãi vay	*3,229,909,140*	*3,484,250,779*
Cộng	**34,915,217,162**	**3,484,250,779**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Chi phí nhân viên quản lý	850,170,521	878,836,643
Chi phí vật liệu quản lý	-	3,299,364
Chi phí khấu hao TSCĐ	52,861,095	47,588,038
Thuế phí và lệ phí	6,000,000	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296,057,947	309,659,691
Chi phí bằng tiền khác	(15,650,874,931)	10,174,325,861
Trong đó: chi phí dự phòng	*19,975,873,869*	*10,000,000,000*
Cộng	**(14,445,785,368)**	**11,417,709,597**

8. Thu nhập khác	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Thu nhập khác	100,000,000	572,727,273
Cộng	**100,000,000**	**572,727,273**

9. Chi phí khác	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Các khoản khác	23,486,000	833,712,133
Cộng	**23,486,000**	**833,712,133**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20,485,910,186)	(14,941,330,457)
- Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	-	-
+ Điều chỉnh tăng		-
+ Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	(20,485,910,186)	(14,941,330,457)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	-	-
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Cộng	-	-

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79,736,894	3,299,364
Chi phí nhân công	1,035,765,230	1,048,820,981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,763,532,386	2,889,184,383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539,233,200	915,489,807

Chi phí khác bằng tiền	244,796,149	10,374,439,337
Cộng	**4,663,063,859**	**15,231,233,872**

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10,15a,16a trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	**Giá trị hợp lý**
Tiền và tương đương tiền	337,475,474	337,475,474
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	157,326,260,890	105,766,905,078

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	73,803,845,731
Phải trả người bán	58,577,501,748

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn
mực Báo cáo tài nhất Quốc tế.

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017:

Đối tượng	**Dưới 01 năm**	**Từ 01 đến 05 năm**	**Tổng cộng**
Phải trả người bán	57,174,301,748	1,403,200,000	**58,577,501,748**
Vay và nợ ngắn hạn	73,198,641,483	-	**73,198,641,483**
Vay và nợ dài hạn	-	605,204,248	**605,204,248**

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Theo nhận định của Ban giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 và Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

4. Thông tin giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt của Công ty		**Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**	**Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	Lương và thù lao	-	319,968,376
Cộng		**-**	**319,968,376**

Các giao dịch khác

Công nợ phải thu

Các khoản phải thu	**Tính chất giao dịch**	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	Tiền hàng	554,258,335	554,258,335
	Cho thuê máy	4,134,545,999	4,134,545,999
	Vốn lưu động	1,780,136,112	1,780,136,112
Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	Vốn lưu động	14,162,728	14,162,728
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Tiền hàng	3,007,907,562	3,372,302,187
	Vốn lưu động	126,711,825	126,711,825
	Ứng trước tiền hàng	1,004,506,250	1,004,506,250
Phùng Thu Hà	Chuyển nợ từ Công ty Toàn Phát	-	31,070,000,000
	Lãi vay	-	4,166,108,022

Công nợ phải trả

Các khoản phải trả	**Tính chất giao dịch**	**30/06/2017**	**01/01/2017**
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Tiền hàng	-	-
	Tiền vay	21,112,000,000	21,112,000,000
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Tiền vay, góp vốn	25,000,000,000	25,000,000,000
	Lãi vay	1,912,135,309	1,912,135,309
	Vốn lưu động	330,000,000	330,000,000
Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	Tiền vay	5,400,000,000	5,400,000,000

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Bùi Thị Thanh Hương	**Chu Thị Ánh**	**Vũ Văn Bẩy**